

CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NORTH HANOI., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109474336

3. Ngày thành lập: 25/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8 đường Đền Gióng, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
2.	Thu gom rác thải độc hại	3812
3.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
4.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
5.	Tái chế phế liệu	3830
6.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
7.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;	7120
8.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
9.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
10.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
11.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
12.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

13.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Thẩm định giá công nghệ; Giám định công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ. - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khác; - Đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường - Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác động môi trường; - Phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường; - Giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ; - Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sức khỏe môi trường; - Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường; - Các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường.	7490
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;	4649
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn tổng hợp	4690
17.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác	4759
18.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm vàng miếng, vàng nguyên liệu và kim loại, quặng kim loại Nhà nước cấm);	4662

23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá).	4530
26.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá).	4543
27.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đầu giá).	4512
28.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá).	4511
29.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá).	4513
31.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh hóa chất - Bán buôn hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy.	4669
32.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác	4620
33.	Bán buôn thực phẩm	4632
34.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
37.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác	4661
43.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.; - Hoạt động của đại lý bán vé máy bay, ô tô, tàu hỏa; - Logistics;	5229
45.	In ấn	1811
46.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
47.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: - Chuẩn bị tài liệu; - Photocopy.	8219
48.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	8230(Chính)
49.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
50.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
51.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
52.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
53.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
54.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	7320

55.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
56.	Quảng cáo	7310
57.	Đại lý du lịch	7911
58.	Điều hành tua du lịch	7912
59.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
60.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
61.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
62.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
63.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
64.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải; - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
68.	Dịch vụ đóng gói	8292
69.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp tại cảng hàng không)	5224
70.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
72.	Xây dựng nhà để ở	4101
73.	Xây dựng nhà không để ở	4102
74.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
75.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
76.	Xây dựng công trình điện	4221
77.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
78.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
79.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
80.	Xây dựng công trình thủy	4291
81.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
82.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
84.	Phá dỡ	4311
85.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
86.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
87.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
88.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
89.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
90.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.	7110
91.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
92.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, chống ẩm các toà nhà.	4390
93.	Trồng cây ăn quả	0121
94.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
95.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
96.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa.	0129
97.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
98.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
99.	Khai thác gỗ	0220
100.	Khai thác quặng sắt	0710
101.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
102.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
103.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
104.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
105.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
106.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ sản xuất vàng)	2420
107.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

108.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
109.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
110.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
111.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
112.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
113.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
114.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
115.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; (không bao gồm hoạt động đấu giá).	4610
116.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 990.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGHIÊM THỊ THANH HẰNG	Thôn Yên Tàng, Xã Bắc Phú, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	20,000	001196001891	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	20,000		

2	NGUYỄN MẠNH TRUNG	Thôn Vệ Linh, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	396.000	3.960.000.000	40,000	0010590104 60
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	396.000	3.960.000.000	40,000	
3	ĐẶNG PHƯƠNG NAM	Thôn Vệ Linh, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	396.000	3.960.000.000	40,000	0010930163 98
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	396.000	3.960.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 04/12/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001059010460

Ngày cấp: 21/09/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Vệ Linh, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Vệ Linh, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội